



Original Article

Scientific Research Supports for PhD Students at Vietnam National University, Hanoi

Nguyen Dinh Duc¹, Tran Thi Hoai^{2,*}, Ngo Tien Nhat²

¹*Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*VNU Institute for Education Quality Assurance, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 25 April 2019

Revised 20 May 2019; Accepted 22 May 2019

Abstract: The government of Vietnam has assigned Vietnam National University, Hanoi (VNU) important tasks of producing high quality human resources and cultivating talents; promoting advanced science, technology, renovation and multidisciplinary knowledge transfer. In terms of scientific research, PhD students contribute significantly to the overall achievements of VNU. This article surveys 263 out of 1,493 PhD students (accounting for 17.6%) studying in five different academic fields at VNU. The article presents the current status of scientific research support activities for PhD students with a focus on the role of VNU's Scientific Working Groups and proposes solutions to improve the quality of the support activities at VNU.

Keywords: Support for PhD student, scientific research, Scientific Working Group.

* Corresponding author.

E-mail address: hoaitt@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4259>



Công tác hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Đình Đức¹, Trần Thị Hoài^{2,*}, Ngô Tiến Nhật²

¹Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 25 tháng 4 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 5 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 5 năm 2019

Tóm tắt: Đại học Quốc gia Hà Nội được Chính phủ giao nhiệm vụ quan trọng đó là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực. Trong quá trình nghiên cứu khoa học, đội ngũ nghiên cứu sinh đóng góp một phần không nhỏ vào kết quả nghiên cứu khoa học chung của Đại học Quốc gia Hà Nội. Nhóm tác giả tiến hành khảo sát 263 trong tổng số 1493 nghiên cứu sinh đang học tập tại 5 lĩnh vực khoa học của Đại học Quốc gia Hà Nội (tỷ lệ 17.6%). Bài viết trình bày thực trạng hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu sinh, đặc biệt quan tâm tới vai trò hỗ trợ của nhóm nghiên cứu tại Đại học Quốc gia Hà Nội và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ này tại Đại học Quốc gia Hà Nội trong thời gian tới.

Từ khóa: Hỗ trợ nghiên cứu sinh, nghiên cứu khoa học, nhóm nghiên cứu.

1. Đặt vấn đề

Đại học Quốc gia Hà Nội đã ban hành Quy chế đào tạo tiên sĩ theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 24 tháng 11 năm 2017 [1]. So với Quy chế đào tạo 1555 ban hành năm 2011 [2], các nghiên cứu sinh cần hoàn thành các công trình công bố ở mức độ cao hơn: tối thiểu công bố 2 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 1 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus hoặc 2 báo cáo trong kỷ yếu hội

thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc 2 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài. Để tìm các giải pháp hỗ trợ cho các nghiên cứu sinh hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu và công bố quốc tế, nhóm tác giả triển khai nghiên cứu các giải pháp cụ thể căn cứ trên nghiên cứu các số liệu thứ cấp và phân tích kết quả khảo sát các nghiên cứu sinh hiện đang học tập và nghiên cứu tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Tổng quan

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam luôn được đặc

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: hoaitt@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4259>

biệt coi trọng. Vai trò của nghiên cứu sinh trong hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như mối quan hệ nghiên cứu - đào tạo được các tác giả trên thế giới quan tâm.

Trong tài liệu [3], Helen Walkington đã coi người học như một nhà nghiên cứu, họ phát triển được khả năng nghiên cứu và được trải nghiệm thông qua việc tham gia các hội nghị, hội thảo, seminar, các khoá học chuyên đề, các đề tài, dự án. Người học được tham gia các nhóm nghiên cứu sẽ không chỉ nâng cao khả năng nghiên cứu mà còn được giám sát bởi cả nhóm nghiên cứu để đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ nghiên cứu. Perkins [4] đã đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới nghiên cứu khoa học dựa vào hai nhóm: phía cung cấp dự án và về phía các nhà nghiên cứu. Những rào cản ảnh hưởng tới nghiên cứu khoa học như sự khác biệt giữa nhà nghiên cứu và nhà hoạch định chính sách, thời hạn, mục đích dự án, năng lực người nghiên cứu có phù hợp với dự án hay không, thủ tục hành chính của đơn vị quản lý, nội dung, công nghệ cho dự án, và chính sách cơ bản cho dự án là như thế nào và vai trò của đơn vị tài trợ ngân sách cho dự án ra sao sẽ tác động cùng chiều đến hoạt động nghiên cứu khoa học. Enyu Zhou and Hironao Okahana [5] nghiên cứu tìm hiểu về những hỗ trợ của khoa/bộ môn cho nghiên cứu sinh trong việc hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ. Nghiên cứu được thực hiện thông qua khảo sát 5001 chương trình đào tạo tiến sĩ tại 212 trường đại học của Mỹ. Kết quả nghiên cứu cho thấy các hình thức hỗ trợ tài chính và hỗ trợ học thuật khác nhau sẽ có mức độ ảnh hưởng khác nhau tới việc hoàn thành và thời hạn hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ của nghiên cứu sinh. Các hỗ trợ về tài chính của khoa có ảnh hưởng đáng kể đối với việc hoàn thành và thời hạn hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ của nghiên cứu sinh. Khoa có tỷ lệ % về hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu cao thì có tỷ lệ nghiên cứu sinh hoàn thành và hoàn thành chương trình đào tạo trước thời hạn nhiều hơn. Tuy nhiên, kết quả

nghiên cứu cho thấy tác động của các hoạt động hỗ trợ về học thuật (môi trường làm việc, hỗ trợ đào tạo viết đề cương nghiên cứu, thành lập hội các học viên) chưa rõ ràng. Nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng đối với nhà quản lý giáo dục trong việc đưa ra các chính sách/giải pháp hỗ trợ về tài chính và học thuật theo đặc điểm của ngành học và đặc điểm của khoa/bộ môn. Nhóm tác giả Nickola C. Overall a, Kelsey L. Deane a & Elizabeth R. Peterson [6] đã nghiên cứu về việc giảng viên hướng dẫn hỗ trợ nghiên cứu sinh trong nghiên cứu và mức độ giảng viên hướng dẫn giao quyền tự chủ học thuật cho nghiên cứu sinh ảnh hưởng đến hiệu quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh như thế nào. Giảng viên hỗ trợ tốt nhưng giao ít quyền tự chủ học thuật thì hiệu quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh thấp hơn so với giảng viên hỗ trợ ở mức tốt và giao quyền tự chủ học thuật cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy cần hỗ trợ nghiên cứu sinh lên tiếng và hành động theo ý tưởng của riêng mình đồng thời hướng dẫn họ về cách thức hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu. Hanover Research [7] đã đưa ra các giải pháp thúc đẩy nghiên cứu khoa học và các yếu tố ảnh hưởng đến nghiên cứu khoa học như tạo môi trường nghiên cứu tốt, xây dựng chính sách hỗ trợ cho người học, thành lập trung tâm nghiên cứu, xây dựng mạng lưới hợp tác nghiên cứu, cân bằng trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu, trả thù lao cho hoạt động nghiên cứu xứng đáng.

Một số tác giả Việt Nam đã viết về đào tạo nghiên cứu sinh và công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh trong nghiên cứu khoa học như: tác giả Nguyễn Đình Đức [8] trong bài viết đã nêu rõ giải pháp để phát triển nhóm nghiên cứu trong trường đại học: *“Phải tập hợp được những cán bộ có năng lực nghiên cứu tốt trong nhóm nghiên cứu, thu hút được nghiên cứu sinh.”* Tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của các nghiên cứu sinh trong việc phát triển các nhóm nghiên cứu và khẳng định: *“Nếu có sự hỗ trợ kinh phí, nhiều nhóm nghiên cứu của Đại học Quốc gia Hà Nội hoàn toàn có thể tiếp*

nhận các nhà khoa học, các nghiên cứu sinh và thực tập sinh người nước ngoài đến làm việc, khi đó hiệu quả hoạt động của nhóm nghiên cứu còn tốt hơn nữa.”. Tác giả Nguyễn Thị Thu Hà [9] đã khảo sát 126 nhà khoa học là thành viên của các nhóm nghiên cứu thuộc 40 trường đại học trên phạm vi cả nước để xác định các nhân tố chủ yếu tác động đến hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu. Kết quả cho thấy, hiệu quả hoạt động của nhóm nghiên cứu chịu tác động nhiều nhất từ chính sách hỗ trợ của đơn vị đào tạo, thứ hai là định hướng nghiên cứu và hợp tác của nhóm, cuối cùng là nhân tố con người. Trong tài liệu [10] tác giả Nguyễn Lộc đã đề cập đến những bất cập trong đào tạo đại học, cụ thể là đào tạo hiện nay ở nước ta đang rơi vào tình trạng “thừa tiến sĩ giấy” và “thiếu chất lượng”. Tác giả Đặng Ứng Vận chia sẻ quan điểm để đào tạo tiến sĩ thực chất hơn [11] với ba điểm đáng lưu ý dành cho việc đào tạo các kỹ năng cho nghiên cứu sinh ở các cơ sở giáo dục đào tạo tiến sĩ, trách nhiệm của Nhà nước đối với các tiến sĩ và trách nhiệm của nghiên cứu sinh đối với việc nghiên cứu của bản thân.

Có thể thấy, các tác giả nhận định hoạt động nghiên cứu và hoạt động giảng dạy gắn kết chặt chẽ. Chất lượng nghiên cứu phụ thuộc nhiều vào công tác hỗ trợ người học. Chất lượng đào tạo tiến sĩ hiện nay tại Việt Nam còn một số vấn đề tồn tại nên hoạt động hỗ trợ người học cần được đặc biệt quan tâm, cần xây dựng những giải pháp hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiến sĩ ... Trong những năm qua, với định hướng phát triển theo mô hình đại học nghiên cứu tiên tiến, đa ngành, đa lĩnh vực, Đại học Quốc gia Hà Nội đã quan tâm xây dựng, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học. Về hoạt động nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, Điều 23 của Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội có quy định như sau: “*Nghiên cứu khoa học là yêu cầu bắt buộc trong quá*

trình đào tạo của nghiên cứu sinh. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm tạo điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất để nghiên cứu sinh tiến hành các nghiên cứu cần thiết cho luận án. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế” [2].

3. Khung lý thuyết

Quy trình PDCA hay vòng tròn Deming (Lập kế hoạch - Thực hiện - Kiểm tra - Điều chỉnh) là chu trình cải tiến chất lượng liên tục của Tiến sĩ Deming [12]. Nội dung các giai đoạn của chu trình này tại hình 1 như sau:



Hình 1. Cải tiến chất lượng liên tục theo quy trình PDCA.

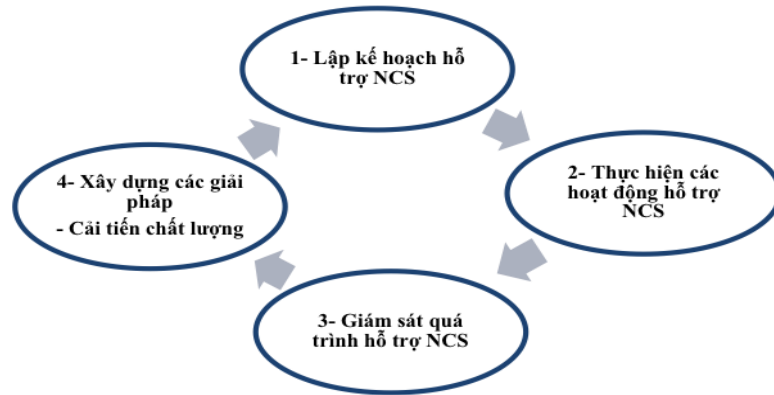
Plan: Lập kế hoạch.

Do: Đưa kế hoạch vào thực hiện.

Check: Dựa theo kế hoạch để kiểm tra kết quả thực hiện.

Act: Cải tiến chất lượng.

Công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học theo 4 bước của quy trình: lập kế hoạch hỗ trợ nghiên cứu sinh; thực hiện các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu sinh; giám sát quá trình hỗ trợ nghiên cứu sinh; tìm các giải pháp, cải tiến chất lượng (hình 2).



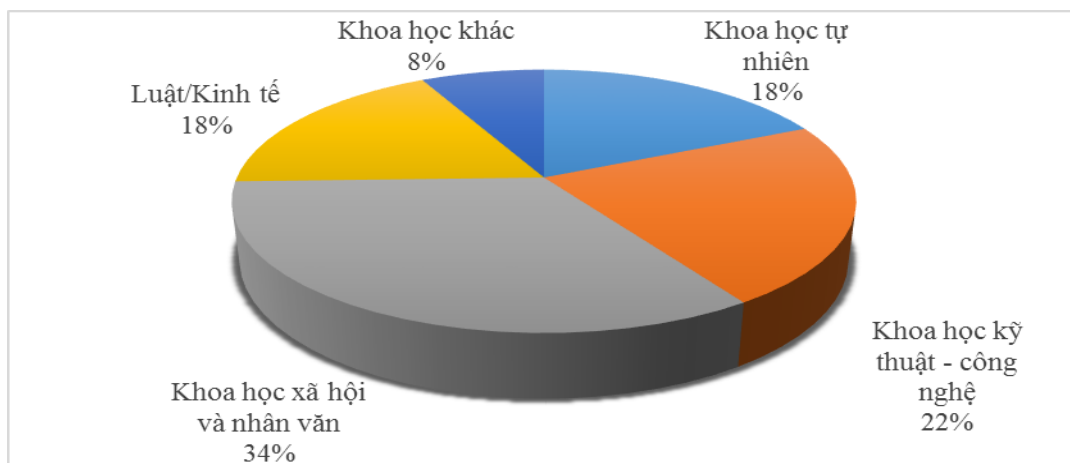
Hình 2. Quy trình hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học.

Quy trình hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học là một quá trình khép kín, các bước nối tiếp nhau thành 1 vòng tròn không có điểm dừng. Đầu tiên, cơ sở giáo dục cần lập kế hoạch hỗ trợ cho khoá nghiên cứu sinh từ khi tuyển sinh cho đến khi tốt nghiệp (xác định mục tiêu, phạm vi, nguồn lực để thực hiện, thời gian và phương pháp đạt mục tiêu); tiếp theo, trong quá trình đào tạo cần tuân thủ kế hoạch hỗ trợ nghiên cứu sinh đã xây dựng (từ việc nhập học, học các chuyên đề, nghiên cứu khoa học, làm luận án,...); giám sát quá trình hỗ trợ nghiên cứu sinh để đảm bảo các hoạt động hỗ trợ diễn ra có chất lượng; thông qua các kết quả thu được để đề ra những giải pháp cụ thể tác động điều

chỉnh quá trình hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học nhằm bắt đầu lại chu trình với những thông tin đầu vào mới.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Đối tượng khảo sát: Nhóm tác giả tiến hành chọn mẫu khảo sát bao gồm 263 nghiên cứu sinh/tổng thể 1493 nghiên cứu sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội (tỷ lệ 17.6%) [13], trong đó có 145 nam (55.1 %) và 118 nữ (44.9 %) với tỷ lệ các khối ngành tại biểu đồ 1. Tỷ lệ độ tuổi được mô tả tại bảng 1:



Biểu đồ 1. Cơ cấu đối tượng khảo sát.

Bảng 1. Thống kê nhóm độ tuổi của nghiên cứu sinh

Thống kê mô tả		Phân bố tuổi của nghiên cứu sinh			
		Khoảng tuổi	Số lượng	Tỷ lệ	
N	Valid	263	26-35 tuổi	97	36%
	Missing	0			
Trung bình		37.65	36-45 tuổi	141	54%
Độ lệch chuẩn		6.18			
Nhỏ nhất		26	Từ 46 tuổi trở lên	25	10%
Lớn nhất		61			

- Quy trình thực hiện khảo sát: Khảo sát được triển khai thông qua phiếu hỏi trực tuyến bằng công cụ Google Form tới các nghiên cứu sinh đang học tập và làm việc tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Thời gian tiến hành khảo sát: Từ tháng 8 tới tháng 12 năm 2018.

- Bộ công cụ khảo sát: Nhóm tác giả đã xây dựng bộ công cụ bao gồm 10 câu hỏi nhằm lấy ý kiến của nghiên cứu sinh về công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng được sử dụng thông qua các câu hỏi về thực trạng đào tạo và nghiên cứu được thiết kế theo thang Likert 5 bậc (mức 1 là *Hoàn toàn không đồng ý* - mức 5 là *Hoàn toàn đồng ý*)

- Phân tích dữ liệu: Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS. Ngoài thống kê mô tả, các tác giả phân tích thêm về độ tin cậy của bảng hỏi và sử dụng phân tích ANOVA để tìm ra sự khác biệt giữa các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau của các nghiên cứu sinh.

5. Thực trạng công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Với mục tiêu đào tạo tiến sĩ có trình độ cao, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo và có khả năng giải quyết những vấn đề khoa học, công nghệ, hướng dẫn và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học thì nhiệm vụ chính của nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học là làm nghiên cứu khoa học. Mối liên hệ này đã được

nhiều nghiên cứu trước đây khẳng định và một lần nữa được Đại học Quốc gia Hà Nội cụ thể hóa thông qua Quy chế đào tạo Tiến sĩ của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Kết quả đánh giá từ 263 nghiên cứu sinh đang học tập và nghiên cứu tại Đại học Quốc gia Hà Nội được trình bày trong bảng 2 cho thấy, 3 yếu tố được nghiên cứu sinh đánh giá cao nhất là *Thái độ tiếp xúc của cán bộ, giảng viên với nghiên cứu sinh cởi mở, hòa nhã* (4.37/5); *Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh được tham sinh hoạt khoa học của bộ môn thường xuyên* (4.03/5); *nghiên cứu sinh được hướng dẫn đầy đủ về phương pháp và kỹ năng nghiên cứu* (4.02/5). Cùng với đó, độ lệch chuẩn cao của các yếu tố này cho thấy sự không đồng nhất quan điểm đánh giá giữa các nhóm đối tượng khảo sát.

Với việc nghiên cứu sinh đánh giá ở mức độ cao nhất trong 10 tiêu chí (4.37/5) và độ lệch chuẩn nhỏ nhất (0.814) cho tiêu chí *Thái độ tiếp xúc của cán bộ, giảng viên với nghiên cứu sinh cởi mở, hòa nhã* cho thấy các nghiên cứu sinh được khảo sát hầu hết đều *Hoàn toàn đồng ý* với quan điểm giảng viên và cán bộ nhân viên làm việc tại Đại học Quốc gia Hà Nội đều có thái độ thân thiện, cởi mở, hòa nhã và sẵn sàng giúp đỡ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu tại cơ sở giáo dục. Ngoài ra, khi làm nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các nghiên cứu sinh còn được tham gia vào sinh hoạt khoa học chuyên môn của Bộ môn đang học tập và nghiên cứu. Kết quả này được thể hiện rõ ràng qua kết quả khảo sát khi đây là tiêu chí được đánh giá cao thứ hai với mức đánh giá trung bình là 4.03/5. Không chỉ thế, việc sinh hoạt chuyên môn tại Khoa/Bộ

môn đang học tập còn là yêu cầu bắt buộc đối với nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc gia Hà Nội được văn bản hóa tại Điều 23, Mục 1.a, Quy chế đào tạo Tiến sĩ [2]. Trong đó nêu rõ nghiên cứu sinh tham gia sinh hoạt chuyên môn; công tác trợ giảng và hỗ trợ công tác đào tạo là yêu cầu bắt buộc đối với nghiên cứu sinh. Mục đích của quá trình này sẽ giúp cho nghiên cứu sinh có thêm điều kiện thực tế để phát triển kiến thức đã học và nghiên cứu tại cơ sở giáo dục.

Trái lại với 3 yếu tố được đánh giá cao ở trên, 3 yếu tố không được nghiên cứu sinh đánh

giá cao là Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (3.62/5); Có chính sách hỗ trợ học bổng cho nghiên cứu sinh/hỗ trợ công bố quốc tế/hỗ trợ nghiên cứu sinh tham gia hội nghị hội thảo (3.55/5); Có nhóm nghiên cứu và tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu trong các nhóm nghiên cứu (3.49/5).

Bảng 2. Thống kê mô tả kết quả đánh giá công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học tại Đại học Quốc gia Hà Nội

STT	Tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Có nhóm nghiên cứu và tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu trong các nhóm nghiên cứu	3.49	1.059
2	Có chính sách hỗ trợ học bổng cho nghiên cứu sinh/hỗ trợ công bố quốc tế/hỗ trợ nghiên cứu sinh tham gia hội nghị hội thảo	3.55	1.051
3	Có hội thảo khoa học dành riêng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học, được tổ chức thường niên	3.97	1.020
4	Hướng dẫn đầy đủ về phương pháp và kỹ năng nghiên cứu	4.02	.971
5	Thủ tục hành chính được thực hiện nhanh gọn, thuận lợi	3.79	1.080
6	Thái độ tiếp xúc của cán bộ, giảng viên với nghiên cứu sinh cởi mở, hòa nhã	4.37	.814
7	Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo	3.62	.973
8	Tạo cơ hội cho nghiên cứu sinh chủ trì hoặc tham gia vào các đề tài nghiên cứu của cơ sở đào tạo	3.65	1.080
9	Tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ nghiên cứu	3.88	.948
10	Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh được tham sinh hoạt khoa học của bộ môn thường xuyên	4.03	1.016

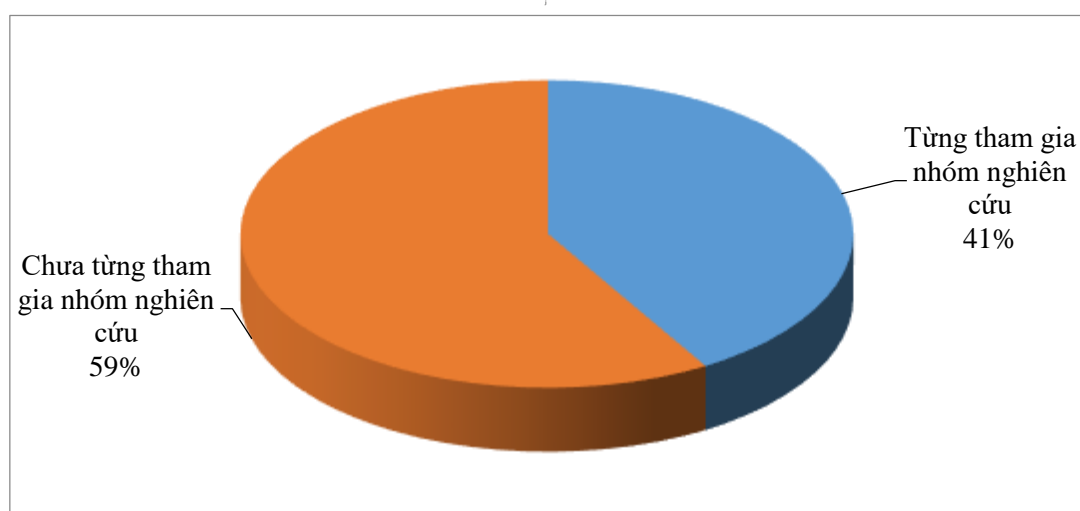
Có thể rõ ràng thấy được, tuy đánh giá cao về việc được tham gia sinh hoạt khoa học ở bộ môn thường xuyên, nhưng công tác *Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo* lại được các nghiên cứu sinh đánh giá cơ sở giáo dục chưa thực hiện tốt công tác này. Một phần nguyên nhân do mô hình đào tạo tiến sĩ không phải là toàn thời gian - tức là - nghiên cứu sinh vừa tham gia học tập và nghiên cứu tại Đại học Quốc gia Hà Nội, vừa làm việc tại một đơn vị khác, khiến cho việc bố trí thời gian thường xuyên để tham gia công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo gặp nhiều khó khăn..

Điều này khác với một số trường đại học trên thế giới khi nghiên cứu sinh được nhận học bổng và làm việc toàn thời gian tại cơ sở giáo dục đại học mà họ theo học, từ đó, nghiên cứu sinh có thể sắp xếp thời gian tham gia công tác này. Ngoài ra, *chính sách hỗ trợ học bổng cho nghiên cứu sinh/hỗ trợ công bố quốc tế/hỗ trợ nghiên cứu sinh tham gia hội nghị hội thảo* cũng không được đánh giá cao - hầu hết nghiên cứu sinh phải tham gia các đề tài với giảng viên hướng dẫn hoặc đề tài tại nơi làm việc mới có kinh phí hỗ trợ cho công bố quốc tế hoặc tham gia hội nghị, hội thảo trong nước. Đây cũng là một vấn đề khiến cho công bố quốc tế trong quá

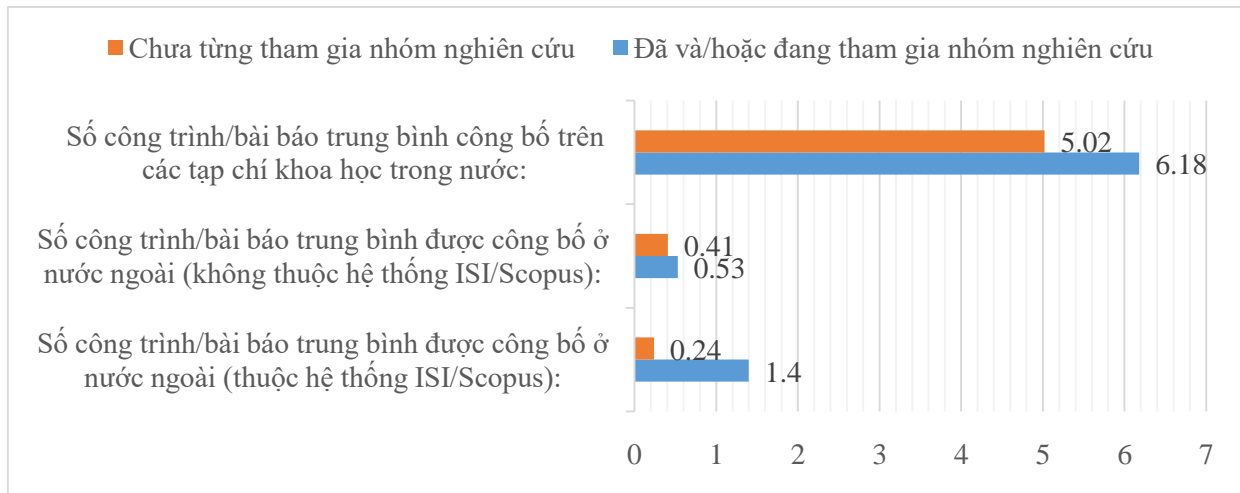
trình làm nghiên cứu sinh không đạt được kỳ vọng như mong muốn do nghiên cứu sinh vừa phải đóng học phí, vừa phải tự trang trải cuộc sống thường nhật nên khó có thể dành thời gian cũng như kinh tế để tham gia hội thảo ở nước ngoài hoặc công bố quốc tế. Đặc biệt, trong 10 yếu tố, nghiên cứu sinh đánh giá thấp nhất là yếu tố *Có nhóm nghiên cứu và tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu trong các nhóm nghiên cứu* (3.48/5), điều này cho thấy, mặc dù có nhu cầu tham gia các nhóm nghiên cứu để có thêm sự hỗ trợ từ các giáo sư đầu ngành, các giảng viên và các nghiên cứu sinh khác để phát triển công tác nghiên cứu khoa học nhưng số lượng nhóm nghiên cứu trong Đại học Quốc gia Hà Nội còn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của các nghiên cứu sinh.

Một số liệu để chứng minh cho luận điểm trên, trong quá trình khảo sát 263 nghiên cứu sinh này, nhóm tác giả đã thu được kết quả chỉ có 109 nghiên cứu sinh (41%) đã từng tham gia vào các nhóm nghiên cứu, còn lại 154 nghiên cứu sinh (59%) chưa từng tham gia nhóm nghiên cứu. Có 143 nghiên cứu sinh (54%) nói rằng họ chưa có cơ hội tham gia nhóm nghiên cứu hoặc cơ sở giáo dục không tạo được môi trường làm việc trong nhóm nghiên cứu hoặc không tìm được nhóm nghiên cứu phù hợp (Biểu đồ 2).

Ngoài ra, có thể thấy nhóm nghiên cứu sinh đã tham gia nhóm nghiên cứu có số công bố (cả trong nước và quốc tế) đều cao hơn so với nhóm những nghiên cứu sinh chưa tham gia nhóm nghiên cứu - đặc biệt với số công bố trong tạp chí thuộc hệ thống ISI/Scopus được mô tả trong biểu đồ 3. Mỗi nghiên cứu sinh tham gia khảo sát trung bình công bố được 6.7 bài, trong đó số công trình công bố khoa học trên hệ thống ISI/SCOPUS là 0.72 bài/1 nghiên cứu sinh. Các nghiên cứu sinh tham gia nhóm nghiên cứu có số lượng công trình công bố khoa học (8.12 bài/1 nghiên cứu sinh) lớn gấp 1.43 lần so với các nghiên cứu sinh không tham gia các nhóm nghiên cứu (5.68/1 nghiên cứu sinh). Số lượng công trình công bố khoa học trên hệ thống ISI/Scopus của các nghiên cứu sinh đã tham gia nhóm nghiên cứu (1.40 bài/nghiên cứu sinh) lớn gấp 5.8 lần so với các nghiên cứu sinh chưa tham gia các nhóm nghiên cứu (0.24 bài/nghiên cứu sinh). Sự khác biệt về hiệu quả của việc tham gia nhóm nghiên cứu trong quá trình làm nghiên cứu sinh đã được thể hiện rõ ràng và kết quả này cho thấy, cần có sự thúc đẩy hơn nữa việc hình thành và phát triển nhóm nghiên cứu, thông qua đó tạo thêm môi trường học thuật giúp cho nghiên cứu sinh có thể nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của bản thân.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ nghiên cứu sinh đã tham gia nhóm nghiên cứu.



Biểu đồ 3. Số lượng bài báo trung bình của các nghiên cứu sinh đã và chưa từng tham gia nhóm nghiên cứu.

Sự khác biệt trong đánh giá thực trạng nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh giữa các lĩnh vực

Theo kết quả thu được từ phiếu khảo sát 263 nghiên cứu sinh, mặc dù đều đánh giá về công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học nhưng giá trị độ lệch chuẩn cao cho thấy mức độ đánh giá của nghiên cứu sinh với các yếu tố có sự phân hóa theo đặc thù giữa các ngành đào tạo khác nhau. Sự khác biệt này được thể hiện rõ ràng thông qua phân tích ANOVA bằng phần mềm SPSS: với các yếu tố của giá trị sig. $\alpha=0.05$ (α là mức ý nghĩa) thì ta có thể kết luận có sự khác biệt trong đánh giá của nghiên cứu sinh về tiêu chí này giữa các nhóm lĩnh vực khác nhau. Trong đó, có 2 tiêu chí nổi bật lên với sự khác biệt giữa các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau được in đậm trong Bảng 4 là: *Có nhóm nghiên cứu và tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh tham gia nghiên*

cứu trong các nhóm nghiên cứu; Có chính sách hỗ trợ học bổng cho nghiên cứu sinh/hỗ trợ công bố quốc tế/hỗ trợ nghiên cứu sinh tham gia hội nghị hội thảo.

Nổi bật trong đó là yếu tố *Có nhóm nghiên cứu và tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu trong các nhóm nghiên cứu*. Đây là yếu tố được đánh giá chưa tốt bởi các nghiên cứu sinh trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội, tuy nhiên, đánh giá này không giống nhau giữa các nghiên cứu sinh đến từ tất cả các khối ngành. Cụ thể, nghiên cứu sinh thuộc lĩnh vực Khoa học Tự nhiên và Khoa học kỹ thuật và công nghệ vẫn đánh giá cao tiêu chí này, nhưng các nghiên cứu sinh đến từ 3 lĩnh vực còn lại không đánh giá cao trong đó đặc biệt là nghiên cứu sinh thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và nhân văn khi đánh giá chỉ đạt mức 3.17/5.

Bảng 3. Số lượng nghiên cứu sinh đã và chưa tham gia nhóm nghiên cứu ở các lĩnh vực

Lĩnh vực học tập/nghiên cứu	Đã tham gia nhóm nghiên cứu		Chưa tham gia nhóm nghiên cứu	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Khoa học Tự nhiên	30	11.4%	18	12%
Khoa học Kỹ thuật và công nghệ	25	9.5%	34	22%
Khoa học Xã hội và nhân văn	29	11.0%	60	39%
Luật/Kinh tế	19	7.2%	28	18%
Khoa học khác	6	2.3%	14	9%

Sự khác biệt này có thể lý giải do sự ảnh hưởng khác nhau về chính sách cho nhóm nghiên cứu giữa các lĩnh vực - đặc biệt là với ngành Khoa học Xã hội và nhân văn vốn đặc trưng ít nhóm nghiên cứu. Cụ thể hơn, trong kết quả khảo sát 263 nghiên cứu sinh, có tới 60 nghiên cứu sinh thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và nhân văn chưa từng tham gia vào nhóm nghiên cứu (chiếm tới 39% - cao nhất trong các lĩnh vực). Ngoài ra, trong số 60 nghiên cứu sinh này, có tới 49 người đưa ra lý do chưa có cơ hội tham gia nhóm nghiên cứu. Điều này cho thấy nghiên cứu sinh thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và nhân văn có sự quan tâm cho hoạt động của các nhóm nghiên cứu nhưng chưa có cơ hội để tham gia các nhóm nghiên cứu (Bảng 3).

Như vậy, qua phân tích số liệu ở trên có thể thấy nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học tại Đại học Quốc gia Hà Nội được hỗ trợ tương đối đầy đủ trong cả quá trình từ khi nhập học đến khi kết thúc khóa học. Việc hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu sinh theo quy trình PDCA: lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và cải tiến chất lượng (Bảng 4).

Đại học Quốc gia Hà Nội đã có kế hoạch hỗ trợ cho nghiên cứu sinh thể hiện qua việc thành lập các nhóm nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ học bổng, hỗ trợ công bố quốc tế, hỗ trợ tham gia hội thảo, kế hoạch tổ chức hội thảo hàng năm cho nghiên cứu sinh và học viên cao học.

Bảng 4. Kết quả phân tích ANOVA về sự khác biệt trong đánh giá thực trạng nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh giữa các lĩnh vực

STT	Tiêu chí	Điểm đánh giá trung bình						Phân tích ANOVA			
		Khoa học Tự nhiên	Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Luật/ Kinh tế	Khoa học khác	Đại học Quốc gia Hà Nội	Levene Statistic	Levene Sig.	F	Sig.
1	Có nhóm nghiên cứu và tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu trong các nhóm nghiên cứu	4.08	3.54	3.17	3.51	3.25	3.49	2.37	0.05	6.64	0.00
2	Có chính sách hỗ trợ học bổng cho nghiên cứu sinh/hỗ trợ công bố quốc tế/hỗ trợ nghiên cứu sinh tham gia hội nghị hội thảo	3.98	3.42	3.38	3.68	3.30	3.55	2.50	0.04	3.37	0.01
3	Có hội thảo khoa học dành riêng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học, được tổ chức thường niên	4.04	3.75	3.99	4.04	4.15	3.97	2.18	0.07	0.99	0.41
4	Hướng dẫn đầy đủ về phương pháp và kỹ năng nghiên cứu	4.13	3.97	4.09	3.87	3.95	4.02	1.19	0.32	0.60	0.67
5	Thủ tục hành chính được thực hiện nhanh gọn, thuận lợi	3.88	3.98	3.61	3.83	3.75	3.79	0.38	0.82	1.21	0.31
6	Thái độ tiếp xúc của cán bộ, giảng viên với nghiên cứu sinh cởi mở, hòa nhã	4.54	4.29	4.31	4.40	4.40	4.37	0.78	0.54	0.81	0.52

STT	Tiêu chí	Điểm đánh giá trung bình						Phân tích ANOVA			
		Khoa học Tự nhiên	Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ	Khoa học Xã hội và Nhân văn	Luật/ Kinh tế	Khoa học khác	Đại học Quốc gia Hà Nội	Levene Statistic	Levene Sig.	F	Sig.
7	Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo	3.83	3.73	3.52	3.49	3.50	3.62	3.50	0.01	1.30	0.27
8	Tạo cơ hội cho nghiên cứu sinh chủ trì hoặc tham gia vào các đề tài nghiên cứu của cơ sở đào tạo	3.88	3.92	3.45	3.57	3.45	3.65	1.38	0.24	2.46	0.05
9	Tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ nghiên cứu	4.08	3.80	3.83	3.85	3.95	3.88	2.19	0.07	0.76	0.55
10	Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh được tham sinh hoạt khoa học của bộ môn thường xuyên	4.10	3.85	4.06	4.13	4.10	4.03	1.16	0.33	0.68	0.61

Trong quá trình triển khai đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu sinh tham gia các nhóm nghiên cứu, chủ trì hoặc tham gia các đề tài, tham gia sinh hoạt khoa học tại bộ môn thường xuyên, tham gia trợ giảng và hỗ trợ đào tạo, ... Ngoài ra, Đại học Quốc gia Hà Nội đã yêu cầu các đơn vị đào tạo giám sát quá trình nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh thông qua việc báo cáo tiến độ luận án 6 tháng một lần để đảm bảo tiến độ nghiên cứu [14] và thực hiện việc cải tiến chất lượng hỗ trợ nghiên cứu sinh nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung căn cứ kết quả khảo sát nghiên cứu sinh và giảng viên về hoạt động đào tạo tiến sĩ [15].

6. Các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Để nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học tại Đại học Quốc gia Hà Nội nói chung và chất lượng nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh nói riêng, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

- *Thành lập trung tâm nghiên cứu xuất sắc trong Đại học Quốc gia Hà Nội*: Trung tâm nghiên cứu xuất sắc được hiểu là một cơ sở nghiên cứu thực sự xuất sắc, đóng vai trò dẫn dắt trong lĩnh vực nghiên cứu, không chỉ theo nghĩa là tạo ra các sản phẩm xuất sắc, mà còn tạo ra những chuẩn mực xuất sắc cho các cơ sở khác noi theo với các nhiệm vụ chính là hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu giáo dục đại học bên trong và bên ngoài nhà trường thông qua việc phối hợp chặt chẽ với các tổ chức và chuyên gia; tổ chức nghiên cứu trong lĩnh vực liên quan; tổ chức các khóa tập huấn, hội nghị chuyên đề, hội thảo; mở các chương trình đào tạo hỗ trợ cho học viên sau đại học. Nghiên cứu sinh sẽ được trung tâm nghiên cứu xuất sắc hỗ trợ trong quá trình thực hiện các công trình khoa học cũng như việc công bố quốc tế và trong nước.

- *Đầu tư cho các nhóm nghiên cứu mạnh*: Trong bối cảnh cần đẩy nhanh các công bố quốc tế cũng như tăng nhanh các sáng chế, sản phẩm khoa học công nghệ trong trường đại học, thì việc quan tâm đầu tư bổ sung nhân lực, cơ sở vật chất, các trang thiết bị hiện đại và điều

kiện làm việc cho các nhóm nghiên cứu mạnh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng để thúc đẩy sự thành công của hoạt động khoa học công nghệ cũng như nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Nhóm nghiên cứu mạnh là môi trường học thuật hỗ trợ nghiên cứu sinh trong quá trình nghiên cứu đề tài, luận án và đặc biệt hỗ trợ nghiên cứu sinh công bố quốc tế.

- *Phát triển thêm nhóm nghiên cứu thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và nhân văn*: Với xu thế tổ chức nghiên cứu khoa học có tính liên ngành, xuyên ngành hơn là các chuyên ngành thì độ phức tạp của nghiên cứu khoa học vượt ra khỏi khuôn khổ của một ngành riêng lẻ và đòi hỏi có sự tham gia giải quyết của một nhóm nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực. Phát triển nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Khoa học Xã hội và nhân văn cần chú ý kết hợp với những lĩnh vực khác sẽ giúp cho các nhóm nghiên cứu có khả năng nghiên cứu sâu rộng hơn về các vấn đề mới.

- *Thiết lập và xây dựng được những mối quan hệ hợp tác mạnh (trong và ngoài nước)*: chỉ có phát huy tốt các quan hệ hợp tác với các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài nước, các nhóm nghiên cứu mới có thể phát huy được thế mạnh của các nghiên cứu liên ngành, nhanh chóng hội nhập và tiếp cận trình độ, chuẩn mực quốc tế.

- *Tạo môi trường tự do học thuật trong các trường đại học*: Nhà nước cần quan tâm tạo điều kiện tự do về mặt học thuật cho các trường đại học để giúp các nhà trường tạo dựng thương hiệu. Khi quyền tự do học thuật được Nhà nước bảo vệ sẽ là nền tảng thiết yếu để phát triển tri thức khoa học. Tự do học thuật trong giáo dục hiện đại giúp cho giảng viên và nghiên cứu sinh lựa chọn được chủ đề và phương pháp nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu cũng như khả năng được tiếp cận với các nguồn tài trợ nghiên cứu một cách công bằng.

- *Yêu cầu các trường/viện công khai danh mục các tạp chí/hội thảo khoa học không thuộc danh mục ISI/Scopus được chấp nhận tại chương trình đào tạo*. Yêu cầu này thể hiện tính

trách nhiệm giải trình của các cơ sở đào tạo đối với xã hội và cộng đồng khoa học và giúp nghiên cứu sinh có thể dễ dàng tiếp cận hơn với tạp chí và không còn băn khoăn hay lo lắng về việc lựa chọn tạp chí để đăng bài của mình.

- *Gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo tiến sĩ*: Việc gắn đề tài nghiên cứu với đào tạo nghiên cứu sinh cũng sẽ giúp nghiên cứu sinh được học tập và nghiên cứu khoa học cùng với các thành viên có nhiều kinh nghiệm của đề tài để phát triển nhanh chóng khả năng nghiên cứu. Hơn nữa, việc gắn kết đề tài nghiên cứu khoa học với đào tạo nghiên cứu sinh cũng sẽ giúp nghiên cứu sinh có thêm kinh phí để thực hiện nghiên cứu hoặc có thêm thu nhập trong điều kiện đi học tập trung 100% thời gian.

- *Hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu sinh* thông qua các chính sách về học bổng, cấp kinh phí và giao đề tài nghiên cứu cấp cơ sở gắn với đề tài luận án tiến sĩ, ...

- *Tạo điều kiện cho các nghiên cứu sinh* tham gia các nhóm nghiên cứu, tham gia các hội nghị, hội thảo, seminar có chất lượng; hướng dẫn nghiên cứu sinh sử dụng phần mềm chuyên dụng; hướng dẫn nghiên cứu sinh sửa bản thảo tiếng Anh, ...

- *Tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo*: Nghiên cứu sinh được tham gia trợ giảng các học phần có liên quan tới đề tài luận án hoặc đồng hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên sẽ là cơ hội để họ tìm hiểu, trao đổi với giảng viên và sinh viên về lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu.

- *Tăng cường hệ thống giám sát quá trình học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh*: Yêu cầu nghiên cứu sinh báo cáo định kỳ bằng văn bản mỗi 6 tháng về tiến độ làm việc cho giảng viên hướng dẫn và ban chủ nhiệm khoa, yêu cầu nghiên cứu sinh báo cáo kết quả nghiên cứu luận án 1 lần/năm trước giảng viên hướng dẫn và một số giảng viên trong khoa, có lịch làm việc tại bộ môn và khoa để trao đổi học thuật với các giảng viên và các nghiên cứu sinh khác.

- *Cải tiến công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học*: cần điều chỉnh bộ công cụ khảo sát, trong đó, chú ý bổ sung các câu hỏi về công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh trong quá trình làm nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài tại đơn vị. Phiếu khảo sát sẽ được triển khai tới nghiên cứu sinh, giảng viên hướng dẫn, giảng viên của khoa nhằm đánh giá chất lượng công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh đang được triển khai tại khoa và hiệu quả thực tế của công tác hỗ trợ, qua đó, lãnh đạo khoa sẽ có những điều chỉnh và thay đổi nhằm nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học.

7. Kết luận

Nghiên cứu sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội nhìn chung đã được tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình nghiên cứu đề tài khoa học, luận án, bài tập lớn. Hầu hết các nghiên cứu sinh hài lòng về công tác hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Tuy nhiên, nhà trường cần chú ý tới hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu sinh thông qua học bổng, hỗ trợ công bố các công trình khoa học ở trong nước và quốc tế, tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh tham gia nhóm nghiên cứu. Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát (số lượng công trình công bố khoa học trên hệ thống ISI/Scopus của các nghiên cứu sinh đã tham gia nhóm nghiên cứu lớn gấp 5.8 lần so với các nghiên cứu sinh chưa tham gia các nhóm nghiên cứu) cho thấy việc tham gia nhóm nghiên cứu có hiệu quả cao làm gia tăng năng lực công bố khoa học đặc biệt là công bố quốc tế của nghiên cứu sinh. Số lượng và chất lượng công bố khoa học, luận án của các nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc gia Hà Nội sẽ nâng cao hơn nếu triển khai thêm các giải pháp hỗ trợ hoạt động nghiên cứu cho nghiên cứu sinh.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu được tài trợ trong khuôn khổ Đề tài mã số KHGD/16-20.ĐT.032 thuộc

Chương trình Khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam”.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đại học Quốc gia Hà Nội, Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.
- [2] Đại học Quốc gia Hà Nội, Quy chế đào tạo sau đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 5 năm 2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011.
- [3] Helen Walkington, Students as researchers: Supporting undergraduate research in the disciplines in higher education, York: The Higher Education Academy, ISBN 978-1-907207-86-0. https://www.heacademy.ac.uk/system/files/resources/Students%20as%20researchers_1.pdf/, 2015.
- [4] N. Perkins, Institute of Development Studies (IDS), at the seminar: “Research Communication - Why and how?”, University of Copenhagen, May 8, 2008.
- [5] Enyu Zhou, Hironao Okahana, The Role of Department Supports on Doctoral Completion and Time-to-Degree, Journal of College Student Retention: Research, Theory & Practice - ESCI (Emerging Sources Citation Index) ISSN15210251, 15414167, 2016.
- [6] Nickola C. Overall a, Kelsey L. Deane a, Elizabeth R. Peterson, Promoting doctoral students' research self-efficacy: combining academic guidance with autonomy support, Higher Education Research & Development, ISSN 07294360. https://www.researchgate.net/publication/231537782_Promoting_doctoral_students'_research_self-Efficacy_Combining_academic_guidance_with_a_utyonomy_support/, 2011.
- [7] Hanover Research, Building a Culture of Research: Recommended Practices, Academy Administration Practice. <https://www.hanoverresearch.com/media/Building-a-Culture-of-Research-Recommended-Practices.pdf/>, 2014.
- [8] Nguyễn Đình Đức, Phát triển nhóm nghiên cứu trong trường đại học: Xu thế tất yếu. <https://vov.vn/xa-hoi/phat-trien-nhom->

- nguyen-cuu-trong-truong-dh-xu-the-tat-yeu-325151.vov/, 2014.
- [9] Nguyễn Thị Thu Hà, Bùi Minh Đức, Nguyễn Đình Đức, Một số nhân tố chủ yếu tác động đến hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu, Tạp chí Khoa học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội 5 (1) (2019) 54-63. <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4214>.
- [10] Nguyễn Lộc, Bất cập trong đào tạo sau đại học: Thừa tiến sĩ “giấy”, thiếu chất lượng. <http://baokiemtoannhanuoc.vn/giao-duc/bat-cap-trong-dao- tao-sau-dai-hoc-thua-tien-si-giay-thieu-chat-luong-137700/>, 2017.
- [11] Đặng Ứng Vận, Đề đào tạo tiến sĩ thực chất hơn. <http://www.nhandan.com.vn/cuoituan/item/33474402-de-dao- tao-tien-si-thuc-chat-hon.html/>, 2017.
- [12] Nguyễn Đức Chính, Quản lý chất lượng giáo dục, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.
- [13] Đại học Quốc gia Hà Nội, Thống kê quy mô đào tạo năm học 2018 - 2019, 2018.
- [14] Đại học Quốc gia Hà Nội, Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, số 123/HD-ĐHQGHN ngày 09/01/2018, 2018.
- [15] Đại học Quốc gia Hà Nội, Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan, số 5077/HD-ĐHQGHN ngày 23/12/2014, 2014.